

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tiến Sỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Làng K, xã H, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Làng K, xã H, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C qua thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau, do không hiểu biết pháp luật nên chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, không còn tin tưởng nhau.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh Nguyễn C không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29/3/2012; Nguyễn Thành Q, sinh ngày 31/01/2015; Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu O và cháu T vì hai cháu là con gái để tiện cho việc chăm sóc các cháu về thể chất và tinh thần. Còn cháu Q thì để cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc vì cháu là con trai, cháu Q cũng quý bố. Chị không yêu cầu tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định; anh và chị V chung sống như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, do ham vui với bạn bè anh có chơi đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm nhưng từ khi vợ anh bỏ nhà đi anh đã nghỉ chơi, cũng do vợ anh có lời nói hỗn, chửi cha mẹ nên anh có dùng tay đánh, tát vợ chứ anh không phải là con người vũ phu hay đánh vợ như vợ anh khai tại phiên tòa. Nay anh không đồng ý ly hôn với vợ vì anh cảm thấy giữa anh và chị V không có mâu thuẫn gì lớn và anh còn tình cảm với chị V. Anh mong muốn chị V tha thứ và quay lại sống với anh để cùng nhau chăm sóc con cái.

Về con chung: Anh và chị V có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29/3/2012; Nguyễn Thành Q, sinh ngày 31/01/2015, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả ba cháu, để các cháu không bị mất tình cảm của chị em với nhau. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị V và anh C là vợ chồng. Về con chung: Chị V và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29/3/2012; Nguyễn Thành Q, sinh ngày 31/01/2015. Giao cháu O và cháu T cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giáo cháu Q cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Vân phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Ngày 28/02/2019, nguyên đơn chị V nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh C và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị V đúng quy định, bị đơn anh C có nơi cư trú tại làng K, xã H, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh C và yêu cầu khởi kiện của chị V thấy rằng:

Chị V và anh C có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sự việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị V rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với anh C và liên hệ UBND cấp xã có thẩm quyền để đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nhưng chị V kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn từ lâu, bản thân hiện không còn tình cảm với anh C nữa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh C thường xuyên chơi cờ bạc, đánh vợ, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị V và anh C đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Chị V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị V với anh C là vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh C thừa nhận mình có chơi đánh bạc nhưng cũng chỉ vì ham vui với bạn bè, hiện tại anh đã nghỉ chơi không tham gia đánh bạc nữa. Anh C có dùng tay đánh chị V nhưng vì lý do chị V hỗn hào, chửi cha mẹ của anh, trong lúc nóng giận anh không kiềm chế được nên anh mới đánh vợ. Hiện tại chị V đã bỏ nhà đi từ tháng 11/2018 để về nhà mẹ đẻ của chị V sống. Anh C không muốn ly hôn, đề nghị chị V quay lại với anh và cùng nhau chăm sóc con cái.

Xét mâu thuẫn trong cuộc sống giữa chị V và anh C là có thật, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh C thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chị V và anh C không phải là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Chị V và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29/3/2012; Nguyễn Thành Q, sinh ngày 31/01/2015. Hiện nay, cháu O và cháu T đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của các cháu muốn được ở với chị V, xét chị V có điều kiện kinh tế bình thường, mỗi tháng thu nhập từ 08 đến 10 triệu đồng và đủ khả năng nuôi dưỡng các cháu O và Tuyền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị V được nuôi dưỡng cháu O và cháu T. Đối với cháu Q, tuy cháu còn nhỏ, nhưng do anh C yêu cầu được nuôi cháu và chị V cũng đồng ý, mặc khác anh C cũng đủ khả năng về kinh tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh C được nuôi dưỡng cháu Q, không chấp nhận yêu cầu của anh C được nuôi dưỡng cháu O và cháu T. Anh C và chị V đều không yêu cầu tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị V và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị V, chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn là anh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị V và anh C là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị V và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29/3/2012; Nguyễn Thành Q, sinh ngày 31/01/2015.

Giao cháu O và cháu T cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giáo cháu Q cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Tài sản chung, nợ chung:** Miễn xét.

**4. Về án phí:** Buộc chị V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007784 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**5. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/7/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Tiến Sỹ**